

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Lý do chọn đề tài.

Tại Nghị quyết trung ương 2 khoá VIII của Đảng cộng sản Việt Nam đã ghi: “Đổi mới mạnh mẽ phương pháp giáo dục, khắc phục lối truyền thụ một chiều, rèn luyện thành nếp tư duy sáng tạo của người học”. Nghị quyết đại hội Đảng cũng đã đề ra “Phải xác định rõ mục tiêu, nội dung đổi mới phương pháp giáo dục đào tạo... Từng bước áp dụng các phương pháp tiên tiến và phương tiện hiện đại vào quá trình dạy học” để “đào tạo được những con người lao động tự chủ, năng động và sáng tạo, có năng lực giải quyết các vấn đề do thực tiễn đặt ra, tự lo được việc làm, lập nghiệp, và thăng tiến trong cuộc sống, qua đó góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

Xu hướng mới hiện nay trong quá trình dạy học là “Lấy học sinh làm trung tâm”, tức là người dạy học phải phát huy tối đa tính tích cực chủ động của người học trong quá trình dạy học, phải đề cao vai trò chủ thể của người học trong quá trình nhận thức. Yêu cầu học sinh phải làm việc nhiều hơn để tự nắm kiến thức, tự tìm tòi, thông qua nhiều biện pháp đổi mới về phương pháp cũng như vận dụng các phương tiện thiết bị dạy học hiện đại.

Để phù hợp với xu thế ngày nay, việc dạy và học phải được thay đổi theo hướng phát huy tính tích cực chủ động của người học thông qua nhiều con đường như: Đổi mới về phương pháp, phương tiện dạy học... Một trong những hướng đó là thiết kế và sử dụng phiếu học tập, để phát huy tính tích cực chủ động của học sinh trong quá trình học tập.

Sơ đồ hóa kiến thức là công cụ hỗ trợ hiệu quả trong dạy học Địa lí, không chỉ là phương tiện truyền tải kiến thức mà còn hướng dẫn cách tự học cho học sinh, đồng thời thông qua đó rèn luyện năng lực tư duy, sáng tạo, sử dụng bản đồ, Atlas, phân tích sơ đồ, biểu đồ, bảng số liệu thống kê cho học sinh... Mặt khác kết quả của việc học sinh tóm tắt sơ đồ sẽ giúp ghi nhớ kiến thức lâu hơn, đảm bảo đủ các nội dung của bài học và còn thể hiện được trình độ, khả năng của từng học sinh, từ đó giúp giáo viên có được đánh giá chính xác, khách quan về năng lực của học sinh.

Việc vẽ và sử dụng sơ đồ hóa, sơ đồ tư duy đã không còn là mới nữa, các cấp học từ tiểu học đến THPT đều sử dụng phương pháp này, học sinh cũng đã nhiều lần vẽ sơ đồ hóa có thể cá nhân và theo nhóm nhưng hầu như chỉ mới bước đầu là vẽ sơ đồ hóa, còn việc khai thác có hiệu quả, nhất là trong việc ôn tập kiến thức cho học sinh thì chưa chú trọng lắm. Hình thức thi cử cũng đã thay đổi từ trắc nghiệm tự luận sang trắc nghiệm khách quan nên học sinh và giáo viên chỉ tập trung vào câu hỏi trắc nghiệm, kĩ năng làm bài trắc nghiệm mà quên rằng gốc của hình thức trắc

nghiệm là nội dung kiến thức, mà nắm chắc kiến thức mới lựa chọn câu đáp án đúng, mà sơ đồ hóa sẽ bồi dưỡng cho phần gốc kiến thức thêm sâu, đủ nội dung. Tuy nhiên trong nhà trường phổ thông hiện nay việc sử dụng sơ đồ hóa kiến thức vào giảng dạy chưa nhiều, và mang tính hình thức. Giáo viên rất ngại khi thiết kế và sử dụng sơ đồ hóa vì mất nhiều thời gian để suy nghĩ, thiết kế và sử dụng. Giáo viên chỉ sử dụng sơ đồ hóa trong các giờ thao giảng, kiểm tra của Ban giám hiệu theo kế hoạch từ đầu năm học.

Với mong muốn góp tiếng nói chung vào công cuộc đổi mới phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giảng dạy môn Địa ở trường phổ thông, tôi lựa chọn đề tài:

“ *SỬ DỤNG SƠ ĐỒ HÓA KIẾN THỨC ĐỂ ÔN TẬP CHO HỌC SINH LỚP 12*”.

2. Mục đích nghiên cứu

Sử dụng sơ đồ hóa kiến thức phù hợp với nội dung bài dạy nhằm nâng cao hứng thú học tập của học sinh, phát huy tính tích cực trong học tập, góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Địa lí ở trường trung học phổ thông.

3. Thời gian nghiên cứu

Năm học 2022 – 2023.

4. Đối tượng nghiên cứu

Các hoạt động và việc tổ chức các hoạt động trong các tiết học.

Học sinh lớp: 12D1, 12D5, 12D9 trường THPT Đống Đa, năm học 2022–2023.

5. Phạm vi nghiên cứu

Sơ đồ hóa kiến thức phù hợp với bài dạy trong chương trình sách giáo khoa lớp 12 môn địa lí.

NỘI DUNG

II. Cơ sở lý luận của đề tài

1. Tính cấp thiết của đề tài

Xuất phát từ thực tiễn của việc ôn tập cho học sinh lớp 12 thi tốt nghiệp đạt tỉ lệ cao và tình hình thực tế của việc học sinh lựa chọn môn Địa lí làm môn thi tốt nghiệp và xét điểm thi môn Địa lí vào một số trường đại học và thực tiễn của việc giảng dạy môn Địa lí 12 ở trường THPT trong hơn 20 năm qua.

Tình hình nghiên cứu

- Có nhiều tác giả đã nghiên cứu về vấn đề thiết kế và sử dụng sơ đồ hóa trong dạy học nói chung và dạy học Địa lí nói riêng. Qua các đề tài nghiên cứu của các tác giả cho thấy việc thiết kế và sử dụng sơ đồ hóa trong dạy học đã đem lại kết quả khả quan, phát huy được vai trò chủ động của học sinh trong học tập, học sinh đã say mê và hứng thú hơn với việc học tập môn Địa lí, số lượng học sinh đăng kí ôn tập môn Địa lí tăng nhanh
- Tuy nhiên việc nghiên cứu của các tác giả chủ yếu về mặt lý luận, chỉ thiết kế một

số ít bài minh họa. Trong quá trình giảng dạy, việc sử dụng sơ đồ hóa của giáo viên còn chưa liên tục, học sinh chưa có nhiều kỹ năng khi lập sơ đồ hóa kiến thức

- Việc nghiên cứu và thử nghiệm để đi đến ứng dụng cho tất cả giáo viên Địa lí có ý nghĩa lí luận và thực tiễn rất lớn.

2. Mục đích, đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu, phạm vi và giá trị sử dụng đề tài

2.1. Mục đích

- Nhằm nâng cao khả năng sử dụng các thiết bị dạy học phục vụ cho các tiết học của giáo viên Địa lí.
- Giúp học sinh có khả năng tìm hiểu kiến thức và tự hoàn thiện kiến thức trên cơ sở những tri thức giáo viên đã nghiên cứu, truyền tải thông qua sơ đồ trong một tiết học.
- Học sinh chủ động hơn trong việc lĩnh hội kiến thức mới, khắc sâu hơn kiến thức đã ghi nhớ, giúp giờ học diễn ra hiệu quả hơn

2.2. Đối tượng

- Đề tài này được thực hiện trong soạn bài và giảng dạy các bài trong chương trình Địa lí lớp 12 - Ban cơ bản.
- Giới hạn trong việc nghiên cứu sử dụng có hiệu quả sơ đồ hóa kiến thức Địa lí.
- Giáo viên và học sinh trong giảng dạy và học tập môn Địa lí nói chung và môn Địa lí 12 nói riêng.

2.3. Nhiệm vụ

Nhằm tạo hứng thú học tập cho học sinh thông qua các bài học trực quan. Giúp học sinh đạt kết quả học tập cao.

2.4. Phạm vi

Áp dụng cho nhiều bài học Địa lí lớp 12.

Áp dụng cho các tiết ôn tập kiến thức của từng bài, từng chương. Áp dụng cho các nội dung ôn thi tốt nghiệp THPT

2.5. Giá trị sử dụng

- Đề tài có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo cho giáo viên dạy Địa lí lớp 12.
- Dùng cho học sinh tự nghiên cứu, học tập môn Địa lí 12 có hiệu quả hơn.

Phương pháp nghiên cứu: được tổng kết kinh nghiệm giảng dạy môn Địa lí cấp THPT của bản thân trong hơn 20 năm và kinh nghiệm giảng dạy của các thầy cô giáo khác.

III. Biện pháp thực hiện yêu cầu của đề tài

1. Yêu cầu của việc xây dựng sơ đồ hóa kiến thức

Khi xây dựng sơ đồ, cần lưu ý những yêu cầu về tính khoa học, tính sư phạm, tư tưởng, tính mỹ thuật.

1.1. Về tính khoa học: Nội dung sơ đồ phải bám sát nội dung của bài học, các mối quan hệ phải là bản chất, khách quan chứ không phải do người xây dựng sắp đặt. Tuy nhiên hình thức chủ quan của sơ đồ phụ thuộc vào người lập sơ đồ. Cùng một

khối lượng kiến thức, có nhiều cách xây dựng sơ đồ khác nhau.

1.2. Tính sư phạm, tư tưởng: Sơ đồ phải có tính khái quát hóa cao, qua sơ đồ học sinh có thể nhận thấy ngay các mối quan hệ khách quan, biện chứng. Điều này đòi hỏi người xây dựng sơ đồ phải vận dụng nhiều thao tác tư duy khác nhau như so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hoá, bổ sung, mở rộng..., phải chọn lựa kiến thức cơ bản tối thiểu và vừa đủ, mã hoá kiến thức một cách cô đọng, súc tích.

1.3. Tính mỹ thuật: - Bố cục của sơ đồ phải hợp lí, cân đối, nổi bật trọng tâm và các nhóm kiến thức. Có thể sử dụng rộng rãi các phương tiện mã hoá (các loại kí hiệu, ô khung, mũi tên, màu sắc...).

2. Cách xây dựng sơ đồ

Để xây dựng sơ đồ, trước hết người dạy phải chọn lựa bài dạy phù hợp ; xác định được trọng tâm của bài; xác định được khái niệm cơ bản và những khái niệm (nội dung) phát triển, mở rộng và mối liên hệ giữa các kiến thức.

Dựng sơ đồ có thể qua các bước :

Bước 1: Xác định tên sơ đồ (tên phải phù hợp với nội dung sơ đồ sẽ xây dựng), có thể dùng tên của bài học hoặc của từng phần, từng chương

Bước 2: Lựa chọn các thành phần có quan hệ cần phải đưa lên sơ đồ (lựa chọn phải theo các tiêu chí nhất định, không để sót các thành phần)

Bước 3: Đặt các thành phần lựa chọn vào đúng các khung dự kiến dựa trên vai trò tác động của chúng đối với các thành phần khác.

Bước 4: Vẽ các mũi tên hoặc các đoạn thẳng nối các ô, khung lại với nhau thể hiện các mối quan hệ giữa các thành phần (tác động trực tiếp hay gián tiếp, tác động một chiều hay qua lại). Với sơ đồ dạng bảng, không sử dụng bước này.

3. Phân loại sơ đồ hóa kiến thức

3.1. Dựa vào mục đích:

+ sơ đồ hóa dùng trong quá trình hình thành kiến thức mới: Sử dụng sơ đồ hóa để hướng dẫn học sinh tìm hiểu kiến thức mới thông qua việc dẫn dắt học sinh hoàn thành các yêu cầu trong sơ đồ, học sinh sẽ tìm hiểu được những kiến thức nhất định. Dạng này cần có sự hợp tác chặt chẽ giữa giáo viên và học sinh.

+ sơ đồ dùng để ôn tập củng cố kiến thức: sơ đồ này được sử dụng sau khi học xong từng phần, từng bài, từng chương để giúp học sinh nắm vững kiến thức đã học, đảm bảo tính hệ thống, liên tục và logic của kiến thức trong chương trình.

+ Sơ đồ hóa dùng để kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh.

3.2. Dựa vào nội dung:

+ Sơ đồ thông tin: Nội dung gồm các thông tin bổ sung, mở rộng, minh họa cho các kiến thức cơ bản của bài.

+ Sơ đồ bài tập: Nội dung là các bài tập nhận thức hoặc bài tập củng cố.

+ Sơ đồ yêu cầu: Nội dung là các vấn đề và tình huống cần giải quyết.

+ Sơ đồ thực hành: Nội dung liên quan đến nhiệm vụ thực hành, rèn luyện kỹ năng.

3.3. Dựa vào hình thức thể hiện

+ Sơ đồ in ra phát cho học sinh. Giáo viên viết hoặc đánh máy cho học sinh.

+ Sơ đồ viết trên bảng phụ: bảng phụ có thể là một tờ giấy khổ A0, A1, hay một bảng meka nhỏ.

+ Sơ đồ trình chiếu trên Powepoint

3.4. Dựa vào cách thức tổ chức: trò chơi, hành trình khám phá kiến thức Địa lí...

Ngoài ra có thể chia thành phiếu ghi, phiếu trắc nghiệm, phiếu hướng dẫn.

4. Vai trò của sơ đồ hóa kiến thức

Cung cấp thông tin và sự kiện: sơ đồ chứa đựng thông tin, dữ liệu, sự kiện hoặc dùng làm cơ sở cho một hoạt động nhận thức nào đó.

Sơ đồ còn là công cụ hoạt động và giao tiếp: Sơ đồ chứa đựng các câu hỏi và bài tập, yêu cầu hoạt động, những vấn đề để yêu cầu học sinh giải quyết, thực hiện kèm theo những hướng dẫn cách làm, phối hợp với thành viên khác để hoàn thành sơ đồ

Việc sử dụng sơ đồ hóa đã giúp đổi mới phương pháp dạy học, lấy học sinh làm trung tâm. Giáo viên từ trình bày, giảng giải sang hoạt động hướng dẫn, chỉ đạo học sinh. Mọi học sinh được tham gia hoạt động tích cực, không còn hiện tượng thụ động nghe giảng nữa. Việc sử dụng sơ đồ hóa sẽ giúp cho việc tổ chức hoạt động nhóm dễ dàng và hiệu quả hơn.

Thông qua việc hoàn thiện sơ đồ hóa, học sinh có thể tự đánh giá mình, tạo được hứng thú trong giờ học. Qua đó giáo viên nắm bắt nhanh chóng trình độ, khả năng của học

sinh để kịp thời điều chỉnh phương pháp giúp tăng hiệu quả dạy học.

Việc sử dụng sơ đồ hóa trong giờ học còn giúp giáo viên nghiên cứu bài học kỹ hơn, tự tin vào bài giảng của mình.

5. Thực trạng thiết kế và sử dụng sơ đồ hóa trong giảng dạy môn Địa lí.

Sơ đồ hóa là một phương tiện dạy học rất hữu ích trong quá trình học tập của học sinh. Trong quá trình giảng dạy các môn học nói chung và môn Địa lí nói riêng, đa số các giáo viên đã thiết kế và sử dụng sơ đồ hóa để giúp học sinh tìm hiểu kiến thức đồng thời củng cố, đánh giá kết quả học tập của học sinh.

Tuy nhiên tần suất sử dụng sơ đồ hóa trong giảng dạy còn rất ít, chủ yếu mang tính hình thức, chưa tập trung vào chiều sâu nội dung. Giáo viên thiết kế và sử dụng sơ đồ hóa chủ yếu để cho HS ôn tập trong các kì kiểm tra định kì và trong một số bài, một số phần nhỏ trong bài tìm hiểu kiến thức mới. Việc xây dựng và sử dụng sơ đồ hóa chưa phù hợp, chưa phát huy hết tác dụng của sơ đồ hóa kiến thức.

Nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên là do nhiều giáo viên chưa nhận thức được đầy đủ vai trò của sơ đồ hóa trong giảng dạy môn Địa lí. Bên cạnh đó thì nguyên nhân cơ bản nhất là việc thiết kế sơ đồ mất khá nhiều thời gian và kèm theo cả chi phí in ấn. Việc tổ chức các hoạt động học tập khi sử dụng sơ đồ hóa cũng đòi hỏi giáo viên phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng hơn để có thể hỗ trợ học sinh.

6. Sơ đồ hóa dùng để kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh.

6.1. Dựa vào nội dung:

+ Sơ đồ thông tin: Nội dung gồm các thông tin bổ sung, mở rộng, minh họa cho các kiến thức cơ bản của bài.

+ Sơ đồ bài tập: Nội dung là các bài tập nhận thức hoặc bài tập củng cố.

+ Sơ đồ yêu cầu: Nội dung là các vấn đề và tình huống cần giải quyết.

+ Sơ đồ thực hành: Nội dung liên quan nhiệm vụ thực hành, rèn luyện kỹ năng.

6.2. Dựa vào hình thức thể hiện

+ Sơ đồ in ra phát cho học sinh. Giáo viên viết hoặc đánh máy cho học sinh.

+ Sơ đồ viết trên bảng phụ: bảng phụ có thể là một tờ giấy khổ A0, A1, hay một bảng meka nhỏ.

+ Sơ đồ trình chiếu trên Powepoint

6.3. Dựa vào cách thức tổ chức: trò chơi, hành trình khám phá kiến thức Địa lí...

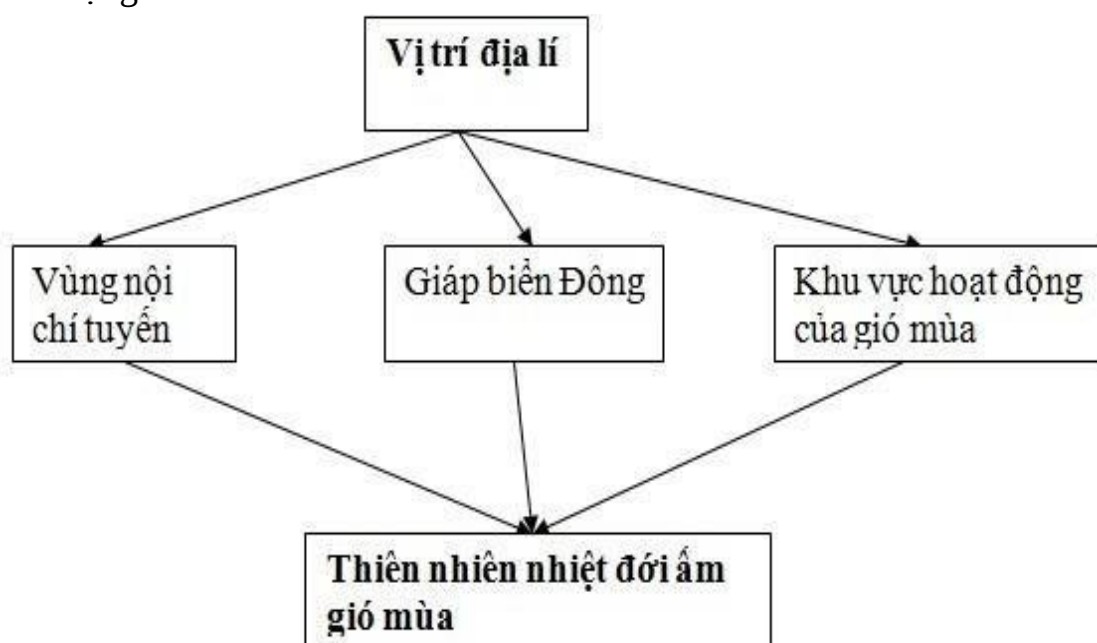
Ngoài ra có thể chia thành phiếu ghi, phiếu trắc nghiệm, phiếu hướng dẫn.

7. Thiết kế và sử dụng sơ đồ hóa trong giảng dạy môn Địa lí 12 (ban cơ bản)

7.1. Cách thức sử dụng sơ đồ

7.1.1. Sử dụng sơ đồ để chứng minh hay giải thích dùng để phản ánh nội dung bài học một cách trực quan

Ví dụ: Khi dạy nội dung 2a của bài “Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ”, giáo viên có thể sử dụng sơ đồ sau.

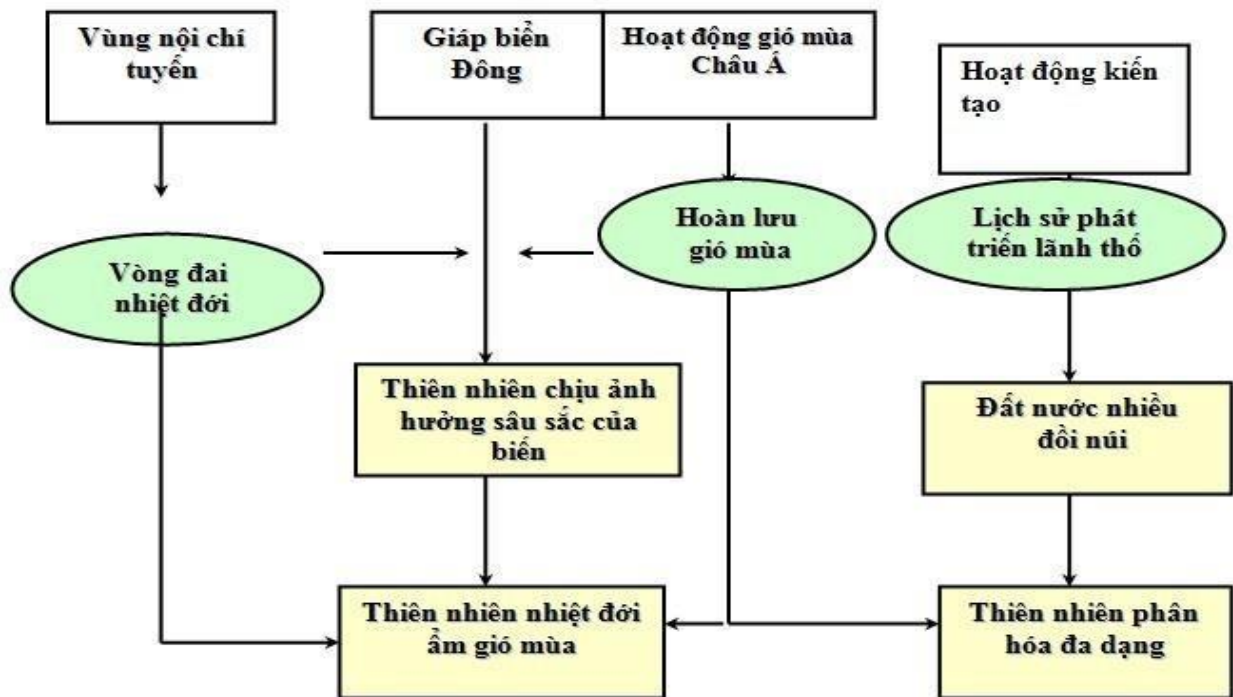


7.1.2. Với vai trò là giải thích mối liên hệ giữa hai đối tượng địa lí, giáo viên có thể sử dụng sơ đồ theo các bước sau:

+) Khi dạy đến mục 2a, giáo viên có thể dựng ngay sơ đồ và cùng học sinh hoàn thiện dần sơ đồ kết hợp phương pháp đàm thoại – gợi mở, nội dung SGK.

Các câu hỏi của giáo viên cơ thể sử dụng: Nhắc lại cho cô các đặc điểm chính về mặt tự nhiên của vị trí địa lí Việt Nam? Vị trí nằm trong vùng nội chí tuyến có ý nghĩa gì? Vị trí nằm giáp biển Đông có ý nghĩa gì? Vị trí nằm trong khu vực hoạt động của gió mùa châu Á có nghĩa gì?

+) Đối với đối tượng là học sinh khá, giỏi, giáo viên cơ thể sử dụng sơ đồ dưới đây để giải thích cho học sinh về mối liên hệ giữa vị trí địa lí với các đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam. Tuy nhiên với sơ đồ này, giáo viên phải mở rộng cho học sinh nhiều kiến thức nên phương pháp đi kèm là giảng giải, tức là giáo viên đưa sơ đồ ra trước và giải giải cho học sinh.



Các sơ đồ dạng này phù hợp nhất trong việc phản ánh các mối liên hệ nhân quả trong Địa lí tự nhiên 12, chỉ rõ nguyên nhân, đâu là kết quả và giải thích cho nhiều hiện tượng trong địa lí.

Tuy nhiên đây là dạng sơ đồ đòi hỏi người giáo viên phải nắm chắc, đào sâu kiến thức, tìm được nguyên do, lí giải được nhiều hiện tượng trong địa lí. Học sinh được làm quen nhiều với các sơ đồ này, các em sẽ hình thành được tư duy logic, hiểu rõ bản chất của các hiện tượng cũng như hứng thú tìm tòi lí giải các hiện tượng tự nhiên xảy ra xung quanh.

7.1.2. Sử dụng sơ đồ tổng hợp dùng để ôn tập tổng kết hay hệ thống hoá kiến thức của một chương, một phần của bài học

Ví dụ: Khi dạy nội dung mục 1 bài 11, giáo viên có thể sử dụng sơ đồ sau:

Đặc điểm	Phân lãnh thổ phía Bắc (từ dãy Bạch Mã trở ra)	Phân lãnh thổ phía Nam (từ dãy Bạch Mã trở vào)
Khí hậu	Nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh	Cận xích đạo gió mùa
Nhiệt độ Trung bình năm	> 20°C	>25°C
Số tháng lạnh (t°<18°C)	3 tháng	Không có
Biên độ nhiệt năm	Cao	Thấp
Phân mùa	2 mùa nóng lạnh	2 mùa mưa khô
Cảnh quan	Đới rừng nhiệt đới gió mùa	Đới rừng cận xích đạo gió mùa
Thành phần loài	+ loài nhiệt đới chiếm ưu thế ngoài ra còn có các loài cây cận nhiệt, ôn đới, các loài thú có lông dày	+ loài thuộc vùng nhiệt đới và xích đạo. Có một số loài cây rụng lá vào mùa khô. Động vật chủ đạo là các loài thú lớn: voi, hổ, báo

Với sơ đồ này giáo viên có thể sử dụng phương pháp thảo luận nhóm. Giáo viên chia lớp thành các nhóm và phát phiếu học tập, yêu cầu học sinh hoàn thiện sơ đồ sau.

Sơ đồ số 1: Đặc điểm thiên nhiên phần lãnh thổ phía Bắc:

Đặc điểm	Phần lãnh thổ phía Bắc (từ dãy Bạch Mã trở ra)
Khí hậu	
Nhiệt độ trung bình năm	
Số tháng lạnh ($t^{\circ} < 18^{\circ}\text{C}$)	
Biên độ nhiệt năm	
Phân mùa	
Cảnh quan	
Thành phần loài	

Sơ đồ số 2: Đặc điểm thiên nhiên phần lãnh thổ phía Nam:

Đặc điểm	Phần lãnh thổ phía Nam (từ dãy Bạch Mã trở vào)
<i>Khí hậu</i>	
Nhiệt độ trung bình năm	
Số tháng lạnh ($t^{\circ} < 18^{\circ}\text{C}$)	
Biên độ nhiệt năm	
Phân mùa	
<i>Cảnh quan</i>	
Thành phần loài	

Sau khi các nhóm hoàn thiện nội dung sơ đồ của mình, giáo viên sẽ đưa sơ đồ ra đối chiếu và chuẩn kiến thức

Với những bài học trong nội dung địa lí tự nhiên lớp 12, các sơ đồ dạng bảng này khá phù hợp. Nó vừa là các bảng tổng hợp kiến thức ngắn gọn, dễ học, dễ

nhớ, đồng thời là một nguồn thông tin rất phong phú (vì giáo viên có thể đưa ra kiến thức đa chiều về đối tượng trên cơ sở đưa ra nhiều tiêu chí).

7.2. Các bảng kiến thức này còn giúp học sinh hình thành kỹ năng so sánh vì luôn luôn có các tiêu chí tương đồng giữa các đối tượng. Như vậy, học sinh sẽ nắm chắc kiến thức hơn so với cách ghi chép truyền thống.

7.3. Sơ đồ kiểm tra dùng để đánh giá năng lực tiếp thu hiểu biết của học sinh, đồng thời giúp giáo viên điều chỉnh nội dung dạy học

Thực ra đây có thể hiểu là các sơ đồ trống hoặc khuyết nội dung. Giáo viên đưa ra các sơ đồ trống trong các bài tập, bài kiểm tra, yêu cầu học sinh hoàn thiện

Ví dụ : Trong bài kiểm tra 8 tuần học kì I, giáo viên có thể sử dụng bài tập sau:

Em hãy hoàn thành sơ đồ sau để thấy sự khác biệt cơ bản về điều kiện hình thành, đặc điểm địa hình và đất của đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long
Hình thức đánh giá kiểm tra bằng các sơ đồ trống phản ánh khá chính xác năng lực nhận thức của học sinh, hạn chế được tình trạng quay cóp, chép bài và là những câu có tính phân hoá khá cao.

7.4. Giáo viên hướng dẫn học sinh tự dựng sơ đồ

Khi học sinh tự dựng được sơ đồ, hiệu quả của phương pháp sơ đồ hoá sẽ là cao nhất. Vì muốn xây dựng sơ đồ, ngoài việc có kỹ năng đọc sách giáo khoa học sinh phải sử dụng các thao tác tư duy cơ bản như phân tích, tổng hợp, so sánh, trừu tượng hóa, khái quát hóa, hệ thống hóa,... để cùng một lúc vừa phân tích đối tượng nhận thức thành các sự kiện, các yếu tố cấu thành lại vừa phải tổng hợp chúng lại, thiết lập các mối quan hệ qua lại giữa chúng.

Cách 1: Giáo viên tổ chức bài học để học sinh rèn luyện kỹ năng sơ đồ hoá theo bước sau:

Bước 1: nêu nhiệm vụ học tập (ghi các nội dung chính của bài học lên bảng và yêu cầu học sinh làm rõ các nội dung bằng phương pháp sơ đồ hoá);

Bước 2: Chia lớp thành các nhóm (phương pháp thảo luận nhóm sẽ tạo ra tình huống học tập sôi nổi, có sự cạnh tranh cao);

Bước 3: Yêu cầu các nhóm nghiên cứu SGK, chọn lựa dạng sơ đồ phù hợp;

Bước 4: Các nhóm đưa ra các sơ đồ của mình, giáo viên đánh giá, tổng kết;

Cách 2: Giáo viên khuyến khích học sinh ôn tập kiến thức bằng cách sơ đồ hoá trong quá trình tự học ở nhà và chuẩn hoá kiến thức giúp các em có sơ đồ hoàn thiện nhất.

7.5. Một số sơ đồ đã sử dụng trong chương trình Địa lí 12

Ví dụ 1: NỘI DUNG ÔN TẬP THI THPT MÔN ĐỊA LÍ – NĂM 2023

PHẦN I: ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN

BÀI 2: VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ

1. Vị trí địa lí

+) Tọa độ trên đất liền

Điểm cực Bắc: 23°23' B tại xã Lũng Cú huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang

Điểm cực Nam: 8°34' B tại Xóm Mũi huyện Ngọc Hiển tỉnh Cà Mau

Điểm cực Đông: 109°24' Đ tại xã Vạn Ninh huyện Vạn Thạnh tỉnh Khánh Hòa

Điểm cực Tây: 102°09' Đ tại xã Sín Thầu huyện Mường Nhé tỉnh Điện Biên

+) Tọa độ trên biển

Điểm cực Nam: 6°50' B Điểm

Điểm cực Đông: 117°20' Đ

Điểm cực Tây: 101°Đ

+) Tiếp giáp

Trên đất liền

Giáp Trung Quốc

Lào

Cam pu chia

Trên biển

Giáp với Biển Đông thông ra TBD

Nằm ở rìa phía Đông của bán đảo Trung Ấn

* Ý nghĩa tự nhiên

+) Biển Đông là nguồn dự trữ dồi dào về nhiệt ẩm

→ thảm thực vật bốn mùa xanh tốt

+) Gần với lục địa Âu – Á và giáp biển Đông

→ hoạt động của gió mùa

Nằm trên đường di lưu của thực vật → tài nguyên sinh vật

di cư của nhiều loài động vật phong phú

Liên kề vành đai sinh khoáng TBD và ĐTH

→ nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú

+) Vị trí nước ta nằm trong vùng thường xuyên xảy ra thiên tai

Bão

lũ lụt

hạn hán

Phạm vi lãnh thổ

a. Vùng đất

diện tích 331 212 km² gồm toàn bộ phần đất liền và hải đảo

đường biên giới trên đất liền tổng chiều dài 4600km

Trung Quốc có chiều dài 1400 km.

Lào có chiều dài 2100 km

Campuchia có chiều dài 1100 km

Đường biên giới xác định theo các địa hình đặc trưng

đỉnh núi,

khe suối sông.....

trên biển (đường bờ biển)

Chiều dài 3260km Từ Móng Cái (Quảng Ninh)

đến Hà Tiên (Kiên Giang) Có 28/63 tỉnh(tp) giáp biển,
hơn 4000 đảo lớn, nhỏ ven bờ
quần đảo lớn Hoàng Sa, Trường Sa

Cửa khẩu:

Thực hiện việc thông thương qua lại giữa các nước láng giềng

b. Vùng biển: Rộng gần 1 triệu km²

Bao gồm các bộ phận

Nội thủy:

Nằm phía trong đường cơ sở(đường nối 11 đảo ven bờ, từ đảo Cồn Cỏ...)
Xem như bộ phận trên đất liền
Là cơ sở để tính chiều rộng

Lãnh hải

Là đường biên giới quốc gia trên biển
Chiều rộng 12 hải lí (tính từ đường cơ sở)

Thuộc chủ quyền quốc gia trên biển

Tiếp giáp lãnh hải

Để đảm bảo cho việc thực hiện chủ quyền của nước ven biển
Rộng 12 hải lí (tính từ lãnh hải)
Nhà nước thực hiện các chủ quyền về
bảo vệ an ninh quốc phòng kiểm soát thuế, y tế, nhập cư, môi trường

Đặc quyền kinh tế

rộng 200 hải lí (tính từ đường cơ sở)
nhà nước có chủ quyền về kinh tế
các nước khác tự do hoạt động đặt ống dẫn dầu

cáp ngầm tàu thuyền, máy bay

Thêm lục địa thuộc phần lục địa kéo dài

độ sâu 200m
nhà nước có chủ quyền

c. Vùng trời:

Là khoảng không gian bao trùm nên trên lãnh thổ

Trên đất liền: Tính đến hết các đường biên giới

Trên biển: ranh giới ngoài của lãnh hải và không gian các đảo

7.6. Định hướng thiết kế sơ đồ hóa

Xuất phát từ vai trò của sơ đồ hóa kiến trúc, các dạng sơ đồ hóa và cấu trúc, yêu cầu, hình thức thể hiện của sơ đồ hóa, định hướng thiết kế và sử dụng sơ đồ hóa cần lưu ý những điểm sau:

- Sơ đồ hóa phải phù hợp với mục tiêu bài học, phù hợp với đối tượng học sinh, phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất hiện có và thời gian của môn học, sao

cho đa số học sinh có thể hoàn thành được sơ đồ hóa.

- Sơ đồ hóa có thể truyền tải nội dung của một phần bài học hoặc nội dung
- Sơ đồ hóa có khả năng tạo cơ hội cho HS phát huy các năng lực của mình.
- Việc đánh giá sơ đồ hóa cần kèm theo nhận xét và chủ yếu mang tính động viên, khuyến khích tinh thần học tập của học sinh.

Cấu trúc sơ đồ hóa

Phần dẫn: là các chỉ dẫn của giáo viên quy định kiểu hoạt động, nội dung hoạt động hay nguồn thông tin.

Ví dụ: Dựa vào thông tin mục... SGK...trang... hoàn thành bảng thông tin sau.

Phần hoạt động: là phần chỉ những công việc, thao tác mà học sinh cần thực hiện, có thể một hoặc nhiều hoạt động.

Phần quy định thời gian: Tùy khối lượng công việc mà giáo viên quy định thời gian cho học sinh hoàn thành.

Quy trình thiết kế sơ đồ hóa trong dạy học Địa lí

Bước 1: Nghiên cứu kĩ nội dung bài học.

Bước 2: Xác định mục tiêu bài học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng.

Bước 3: Xây dựng ý tưởng tổ chức các hoạt động dạy học, xác định những hoạt động nào nên sử dụng sơ đồ hóa, xác định nội dung của sơ đồ hóa.

Bước 4: Xác định thời gian, phương tiện, thiết bị dạy học hỗ trợ để học sinh hoàn thành sơ đồ hóa.

Bước 5: Xác định trình bày và phương pháp thực hiện sơ đồ hóa cho học sinh.

Bước 6: Xây dựng, kiểm tra sơ đồ hóa (thông tin phản hồi)

Bước 7: Xây dựng đáp án cho phiếu học tập

7.7. Kinh nghiệm khi thiết kế một sơ đồ hóa

- Sử dụng câu dẫn ngắn gọn, dễ hiểu, cụ thể.
- Nội dung phù hợp, đúng trọng tâm.
- Nên thiết kế sơ đồ hóa kết hợp kênh chữ và kênh hình để tăng hứng thú học tập cho học sinh.
- Tùy từng bài học để xây dựng sơ đồ tư duy theo các hình thức khác nhau.

Mỗi bài học chỉ nên thiết kế tối đa 2 sơ đồ tư duy để tránh tình trạng học sinh bị quá tải với khối lượng công việc dẫn đến nhàm chán trong học tập.

Hình thức trình bày đẹp, khoa học.

Quy trình sử dụng sơ đồ hóa

Bước 1: GV phát sơ đồ hóa cho từng học sinh (hoặc nhóm học sinh).

Bước 2: GV nêu yêu cầu, nội dung, hoạt động học sinh cần thực hiện trên sơ đồ.

Bước 3: GV hỗ trợ, hướng dẫn HS hoàn thiện sơ đồ tư duy khi cần thiết.

Bước 4: GV tổ chức cho HS trình bày kết quả làm việc với sơ đồ tư duy đã giao.

Bước 5: GV và HS cùng đánh giá, nhận xét kết quả làm việc của học sinh.

7.8. Một số thuận lợi và khó khăn khi sử dụng sơ đồ tư duy trong dạy học Địa lí

* Thuận lợi

- Sự phát triển của công nghệ thông tin giúp cho việc thiết kế sơ đồ hóa nhanh và đẹp hơn.
- Trong mỗi bài học đều có các câu hỏi, giáo viên có thể dựa vào đó để thiết kế sơ đồ hóa.
- Phương tiện, thiết bị dạy học của các nhà trường tương đối đầy đủ như: bản đồ, Atlas Địa lí Việt Nam, tranh ảnh, máy chiếu. GV có thể đặt các câu hỏi khai thác nội dung, rèn luyện kỹ năng thông qua phương tiện giúp bài học phong phú hơn.

* Khó khăn

- Khó khăn lớn nhất của giáo viên khi thiết kế sơ đồ hóa là thời gian và tài chính. Để chuẩn bị tốt sơ đồ hóa, giáo viên phải tốn khá nhiều thời gian để nghiên cứu, thiết kế, biên soạn sơ đồ hóa cho phù hợp với đối tượng học sinh và đạt được hiệu quả cao nhất.
- Việc sử dụng sơ đồ hóa đòi hỏi giáo viên phải linh hoạt, biết cách tổ chức và kết hợp tốt các phương pháp và phương tiện dạy học.

7.9. Kinh nghiệm sử dụng sơ đồ hóa trong quá trình giảng dạy môn Địa lí

Giáo viên cần giao nhiệm vụ hoàn thành sơ đồ hóa một cách rõ ràng.

Trong trường hợp sơ đồ hóa có nội dung kẻ bảng so sánh thì giáo viên nên chuẩn bị sẵn bảng phụ để học sinh lên bảng điền vào bảng phụ.

GV cần bao quát lớp học, luôn sẵn sàng hỗ trợ hướng dẫn học sinh hoàn thành sơ đồ hóa.

Sử dụng sơ đồ hóa kết hợp với các phương pháp dạy học khác

Để tăng thêm hiệu quả của việc sử dụng sơ đồ hóa và tạo không khí sôi nổi trong một tiết học, đồng thời giúp phát huy tối đa các năng lực của học sinh thì bên cạnh hình thức làm việc với sơ đồ hóa theo hình thức cá nhân, giáo viên có thể sử dụng kết hợp với các phương pháp dạy học sau:

- + Phương pháp thảo luận nhóm.
- + Phương pháp dạy học theo dự án.
- + Phương pháp giải quyết vấn đề.
- + Kỹ thuật khăn trải bàn.
- + Kỹ thuật tia chớp.
- + Kỹ thuật mảnh ghép...

7.10. Sử dụng sơ đồ hóa kết hợp với các phương tiện dạy học khác.

Ngoài thông tin trong SGK, giáo viên có thể sử dụng một số phương tiện dạy học khác hỗ trợ học sinh hoàn thành sơ đồ hóa và tăng sự hứng thú cho học sinh như:

- + Bản đồ treo tường.
- + Átlát Địa lí Việt Nam.
- + Các video có sẵn hoặc các video do giáo viên tự tạo.
- + Các hình ảnh, sơ đồ, biểu đồ...

Nếu dạy bằng máy chiếu thì GV cần chuẩn bị phần thông tin phản hồi để trình chiếu sau khi học sinh hoàn thành sơ đồ hóa, giúp các em có thể tự đánh giá và hoàn thiện thông tin kiến thức.

Đối với sơ đồ hóa nhằm tìm hiểu kiến thức mới hoặc củng cố kiến thức, giáo viên có thể giao cho học sinh về nhà hoàn thành trước. Giáo viên có thể làm trước để học sinh theo mẫu hoặc làm một nửa, phần học sinh tiếp tục hoàn thành

Để việc sử dụng phiếu học tập có hiệu quả và tạo không khí học tập sôi nổi cho học sinh, giáo viên có thể tổ chức thông qua các trò chơi, có thể cộng điểm khuyến khích vào điểm miệng cho những học sinh hoặc nhóm học sinh hoàn thành nhanh và tốt nhất. hoặc có thể cho vẽ sơ đồ hóa có trang trí ra giấy A0 để học sinh tô màu cho thêm phần hấp dẫn, sinh động

8. Thiết kế và sử dụng phiếu học tập theo từng bài cụ thể

Bài 2: VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, PHẠM VI LÃNH THỔ

SƠ ĐỒ SỐ 1: TÌM HIỂU VÙNG ĐẤT VIỆT NAM

Dựa vào thông tin trong SGK mục 2.a – Trang 13 kết hợp với Atlas Địa lí Việt Nam, em hãy điền vào chỗ trống để hoàn thành sơ đồ sau:

(Thời gian hoàn thành: 5 phút)

- Vùng đất nước ta bao gồm:.....

- Diện tích:.....

- Tổng chiều dài đường biên giới trên đất liền:.....

+ Giữa Việt Nam với Trung Quốc dài:.....

+ Giữa Việt Nam với Lào dài:.....

+ Giữa Việt Nam với Campuchia dài:.....

- Đường bờ biển dài:.....

+ Đường bờ biển của nước ta kéo dài từ..... đến.....

+ Nước ta có..... tỉnh giáp biển.

Số hải đảo của nước ta là....., chủ yếu là đảo và có hai quần đảo ngoài khơi xa trên Biển Đông là

THÔNG TIN PHẢN HỒI SƠ ĐỒ SỐ 1: VÙNG ĐẤT VIỆT NAM

a. Vùng đất nước ta bao gồm: toàn bộ phần đất liền và hải đảo.

b. Diện tích: 331212 km²

c. Tổng chiều dài đường biên giới trên đất liền: 4600km

+ Giữa Việt Nam với Trung Quốc dài: 1400 km

+ Giữa Việt Nam với Lào dài: 2100 km

+ Giữa Việt Nam với Campuchia dài: 1100 km

d. Đường bờ biển dài: 3260km

+ Đường bờ biển của nước ta kéo dài từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Hà Tiên (Kiên Giang).

+ Nước ta có 28 tỉnh giáp biển.

e. Số hải đảo của nước ta là hơn 4000 hòn đảo, chủ yếu là đảo ven bờ và có hai Quần đảo là Hoàng Sa và Trường Sa

Bộ phận	Vị trí (chiều rộng/ độ sâu)
Ý nghĩa	
Nội thủy	
Lãnh hải	
Tiếp giáp lãnh hải	
Đặc quyền kinh tế	
Thềm lục địa	

Các bước sử dụng cho sơ đồ số 1 và số 2

Bước 1: GV chia lớp thành các nhóm (3 nhóm) và giao nhiệm vụ cho học sinh (phát phiếu học tập cho HS).

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ theo từng cá nhân, sau đó thảo luận nhóm để thống nhất nội dung trả lời.

Bước 3: GV gọi đại diện HS của 3 nhóm lên hoàn thành các thông tin trên bảng phụ GV đã in sẵn (Nhóm nào hoàn thành đầy đủ, chính xác và nhanh nhất là nhóm đạt điểm caonhất)

Bước 4: GV yêu cầu HS khác nhận xét, GV thông tin phản hồi, chốt nội dung.

Ví dụ: Thiết kế bài dạy

Tiết 9 - Bài 9: THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỐI ẨM GIÓ MÙA

A.MỤC TIÊU BÀI HỌC

1.Kiến thức

Hiểu và trình bày được các đặc điểm cơ bản của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa

Phân tích được nguyên nhân hình thành nên đặc điểm nhiệt đới ẩm gió mùa

2.Kĩ năng

Biết phân tích biểu đồ khí hậu

Biết phân tích mối liên hệ giữa các nhân tố hình thành và phân hóa khí hậu

Có kĩ năng liên hệ thực tế để thấy các mặt thuận lợi và trở ngại của khí hậu đối với sản xuất ở nước ta.

3.Định hướng phát triển năng lực học sinh

Năng lực tư duy lãnh thổ, phân tích biểu đồ, bản đồ, giao tiếp, hợp tác...

PHƯƠNG TIỆN THỰC HIỆN

-Bản đồ khí hậu Việt Nam.

- Máy chiếu.

- Phiếu học tập.

- Atlat Việt Nam.

- SGK Địa lí 12.

- Giấy A0, bút màu...

CÁCH THỨC TIẾN HÀNH

- Phương pháp đàm thoại
- Phương pháp thảo luận nhóm
- Phương pháp hướng dẫn học sinh khai thác kiến thức từ sơ đồ, bản đồ.
- Kỹ thuật khăn trải bàn...

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp

2. Trả bài kiểm tra

Nhận xét về kiến thức và kỹ năng của học sinh

3. Bài mới

Hoạt động 1: Đặt vấn đề

Bước 1: Giáo viên yêu cầu học sinh thảo luận và trả lời câu hỏi: Các em cho biết Việt Nam nằm trong đới khí hậu nào? Vì sao miền Bắc nước ta có một mùa đông lạnh? Vì sao nước ta không bị khô hạn giống như các nước có cùng vĩ độ ở khu vực Bắc Phi và khu vực Tây Nam Á.

Bước 2: Học sinh thực hiện và ghi ra giấy, chuẩn bị báo cáo trước lớp.

Bước 3: Giáo viên gọi 01 học sinh báo cáo học sinh khác nhận xét và bổ sung.

Bước 4: Giáo viên sử dụng nội dung kiến thức học sinh trả lời để tạo ra các tình huống có vấn đề và dẫn dắt vào nội dung bài học

Hoạt động 2: Tìm hiểu đặc điểm tính chất nhiệt đới của khí hậu Việt Nam

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS

GV chia lớp thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ cho HS

SƠ ĐỒ HỌC TẬP SỐ 1

Dựa vào SGK mục 1.a – trang 40 và quan sát bản đồ khí hậu trên Atlas Địa lí Việt Nam, em hãy nêu biểu hiện về tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta theo sơ đồ sau:

- Tổng bức xạ.....
- Cân bằng bức xạ.....
- Nhiệt độ trung bình năm.....
- Tổng số giờ nắng.....
- Nguyên nhân:.....

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả

HS thực hiện theo kiểu tiếp sức,

GV treo nhiệm vụ lên bảng, mỗi thành viên sẽ hoàn thiện một thông tin.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá

GV chốt kiến thức

1. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa

a) Tính chất nhiệt đới

- Biểu hiện:
 - + Hằng năm nước ta nhận được lượng bức xạ mặt trời lớn.
 - + Tổng nhiệt độ và nhiệt độ trung bình năm đều cao (trên 200C), vượt tiêu chuẩn nhiệt đới. Cán cân bức xạ nhiệt luôn dương.

+ Tổng số giờ nắng: 1400 - 3000h/năm.

- Nguyên nhân: do nước ta nằm trong khu vực nội chí tuyến BCB. Mọi nơi trong năm đều có 2 lần mặt trời lên thiên đỉnh

- Nhiệt độ còn có sự phân hóa theo thời gian.

GV hướng dẫn HS phân tích Atlas Địa lí Việt Nam – Bản đồ khí hậu.

Tích hợp: Tìm hiểu địa lí địa phương. Sự phân hóa khí hậu ở tỉnh Vĩnh Phúc (Tam Đảo)

Hoạt động 3: Tìm hiểu tính chất ẩm

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS

Đọc SGK và kết hợp quan sát bản đồ lượng mưa trung bình năm, hãy nhận xét và giải thích về lượng mưa và độ ẩm của nước ta?

Bước 2: HS Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo nhiệm vụ

GV gọi 1 HS trình bày, các HS khác lắng nghe và nhận xét.

Bước 4: GV đánh giá, chốt kiến thức

Biển Đông cung cấp lượng ẩm lớn. Sự hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới cùng với tác động của bão đã gây mưa lớn ở nước ta, ngoài ra tác động của gió mùa, đặc biệt là gió mùa mùa hạ cũng mang đến cho nước ta

một lượng mưa lớn. Chính vì vậy so với các nước khác nằm cùng vĩ độ, nước ta có lượng mưa lớn hơn. Tuy nhiên lượng mưa phân bố không đều những khu vực đón gió có lượng mưa rất nhiều.

Hoạt động 4: Tìm hiểu về tính chất gió mùa

Nội dung 1

Bước 1: Gv giao nhiệm vụ cho HS

GV đặt câu hỏi: Hãy cho biết Việt Nam nằm trong vành đai gió nào? Gió thổi từ đâu tới đâu, hướng gió thổi ở nước ta? .

- Gió Mậu dịch thổi từ cao áp cận chí tuyến về Xích đạo

b) Lượng mưa, độ ẩm lớn

- Lượng mưa trung bình 1500 - 2000 mm/năm

- Độ ẩm không khí cao trên 80%, cân bằng ẩm luôn dương

- Nguyên nhân: Do các khối khí đi qua Biển Đông.

c) Gió mùa

* Gió mùa mùa đông

- Thời gian: từ tháng XI - tháng IV năm sau

- Hướng: Đông Bắc

- Nguồn gốc: cao áp Xibia

GV: Sự chênh lệch nhiệt độ của lục địa Á- Âu rộng lớn với đại dương TBD và AĐĐ đã hình thành nên các trung tâm khí áp thay đổi theo mùa, dẫn đến ảnh hưởng của gió Mậu dịch, hình thành chế độ gió mùa đặc biệt của nước ta.

GV cho HS nghe 1 đoạn video được thiết kế từ 1 HS trong lớp về gió mùa mùa đông. Sau đó yêu cầu HS trình bày về gió mùa mùa đông theo dàn ý của phiếu học tập.

SƠ ĐỒ HỌC TẬP SỐ 2

HS theo dõi 1 đoạn video về gió mùa mùa đông và hoàn thiện sơ đồ học tập sau:

Hình thức: Nhóm trình bày sản phẩm trên giấy A0 Thời gian: 5 phút

Gió mùa mùa đông

- Nguồn gốc:.....
- Hướng gió:.....
- Thời gian hoạt động:.....
- Tính chất:.....
- Phạm vi hoạt động:.....

4 nhóm trình bày sản phẩm trên giấy A0 theo kỹ thuật khăn trải bàn.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân, sau đó thảo luận, thống nhất ý kiến chung của cả nhóm.

Bước 3: Báo cáo sản phẩm Bước 4: Nhận xét, đánh giá Đàm thoại mở rộng

CH: Tại sao cuối mùa đông, gió mùa đông bắc gây mưa ở vùng ven biển và đồng bằng sông Hồng?

Tính chất:

- + Nửa đầu mùa đông: lạnh, khô
- + Nửa sau mùa đông: lạnh, ẩm; gây mưa phùn ở vùng ven biển

và ĐBSH,BTB

- + Chỉ tác động từng đợt, tạo nên một mùa đông có 2 - 3 tháng lạnh, nhiệt độ < 18°C

-Phạm vi tác động: phía Bắc dãy Bạch Mã

kiểu thời tiết nóng, khô vào đầu mùa hạ?

CH: Sự hoạt động của gió mùa có ảnh hưởng như thế nào đến sự phân mùa khí hậu của các khu vực nước ta

Nội dung 2: Tìm hiểu về gió mùa mùa hạ

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS Trình bày về gió mùa mùa hạ

Bước 2: Thuyết trình về sản phẩm đã được chuẩn bị trước.

Bước 3: Nhận xét, đánh giá

Tích hợp

Môn vật lí: Giải thích sự hoạt động của gió phơn ở nước ta.

Môn văn học:

“ Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây. Bên nắng đốt, bên mưa quây”.

* Gió mùa mùa hạ

- Thời gian: từ tháng V - tháng X

- Nguồn gốc, tính chất

+ Đầu mùa hạ: khối khí nhiệt đới ẩm Bắc Ấn Độ Dương di chuyển vào nước ta theo hướng tây nam, gây mưa lớn cho Nam Bộ và Tây Nguyên nhưng gây hiệu ứng phơn cho đồng bằng ven biển Trung Bộ và phần Nam của khu vực Tây Bắc.

+ Vào giữa và cuối mùa hạ: gió từ áp cao cận chí tuyến NBC thổi vào nước ta theo hướng tây nam, gây mưa lớn cho Nam Bộ và Tây Nguyên. Kết hợp với dải hội tụ nhiệt đới gây mưa cho

cả hai miền Bắc và Nam, mưa vào tháng IX cho Trung Bộ. Riêng Bắc Bộ gió mùa mùa hạ có hướng đông nam.

-Hệ quả của hoạt động gió mùa đối với sự phân chia mùa khí hậu:

+ Miền Bắc: 2 mùa (đông, hạ)

+ Miền Nam: 2 mùa rõ rệt (mưa, khô)

+GiữaTây Nguyên và đồng bằng ven biển Trung Trung Bộ có sự đối lập về mùa mưa và mùa khô

Hoạt động 5: Củng cố, đánh giá

-Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS

Hãy hoàn thành bảng thông tin sau về gió mùa mùa hạ ở nước ta.

Hướng gió Nguồn gốc Phạm vi hoạt động Thời gian hoạt động Ảnh hưởng

Bước 2: HS sử dụng kiến thức đã học để hoàn thiện.

Bước 3: GV yêu cầu HS trình bày, các HS khác nhận xét, đánh giá.

Bước 4: GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

Hoạt động 6: Vận dụng: Làm bài tập số 2 – Trang 44 SGK (Làm ở nhà)

IV. Kết quả thực nghiệm

Sau khi dạy bài Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa có sử dụng sơ đồ học tập (lớp 12D1) và bằng phương pháp truyền thống ở lớp đối chứng (12D9), hai lớp có học lực tương đương, tôi tiến hành khảo sát khảo sát hứng thú và đánh giá kết quả học tập (điểm số) của HS.

-Về kết quả học tập:

Xếp loại điểm	Lớp thực nghiệm (12D1)		Lớp đối chứng (12D9)	
	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
Giỏi (8 - 10 điểm)	25	69,4	15	41,7
Khá (6,5 - 7,9 điểm)	6	16,7	10	27,8
Trung bình (5,0 - 6,4 điểm)	5	13,9	10	27,8
Yếu (3,5 - 4,9 điểm)	0	0	1	2,7

Kết quả kiểm tra cho thấy:

+ Tỉ lệ HS đạt điểm giỏi ở lớp 12D1 là 69,4% cao hơn 27,7% so với lớp12D9.

+ Tỉ lệ HS đạt điểm khá ở lớp 12D1 là 16,7% thấp hơn 11,1% so với lớp12D9.

HS đạt điểm khá, giỏi cao hơn hẳn so với tỉ lệ HS đạt điểm khá, giỏi của lớp 12D9 (69,5%). Tỉ lệ HS đạt điểm trung bình ở lớp thực nghiệm thấp hơn nhiều so với lớp đối chứng.

-Về thái độ: 99,2% HS lớp 12D1 cho biết thực sự hứng thú với tiết học có sử dụng phiếu học tập. Trong giờ học, HS tích cực tìm tòi, suy nghĩ để trả lời câu hỏi trên phiếu bài tập, tự tin khi phát biểu, trình bày ý kiến của mình và sôi nổi trong phần thảo luận.

V. Kết luận và kiến nghị

1.Kết luận

Sử dụng sơ đồ hóa trong dạy HS học đang là phương pháp được đánh giá cao trong việc phát triển năng lực cho HS. Phương pháp này không chỉ cung cấp cho HS lượng tri thức tiếp cận cần thiết mà còn hình thành nhiều kỹ năng, kỹ xảo nhạy bén. Để đạt được hiệu quả cao đòi hỏi người sử dụng sơ đồ hóa trong giảng dạy phải vững vàng về chuyên môn, thành thạo trong việc sử dụng các phương pháp dạy học tích cực và các kỹ năng sư phạm cần thiết.

2. Kiến nghị

Nhà trường cần quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho GV trong quá trình giảng dạy như bổ sung tài liệu dạy học, thiết bị (máy tính, máy chiếu), giấy A0, bảng phụ, để việc sử dụng phương pháp dạy học bằng sơ đồ hóa mang lại hiệu quả cao hơn.

* Về khả năng áp dụng của sáng kiến

- Đề tài có tính khả thi, có thể áp dụng rộng rãi trong chương trình Địa lí tại các trường THPT. Mặt khác, trong quá trình giảng dạy, việc sử dụng sơ đồ hóa kết hợp linh hoạt với nhiều phương pháp dạy học khác sẽ tạo hứng thú trong giờ học, phát huy tính chủ động của HS sẽ giúp HS ghi nhớ bài nhanh hơn và tiết kiệm thời gian trong quá trình ôn tập và củng cố kiến thức, nhất là ôn tập thi tốt nghiệp.

Rất mong sự đóng góp của hội đồng khoa học nhà trường và các đồng nghiệp để sáng kiến kinh nghiệm này được hoàn chỉnh và mang lại giá trị thực tiễn cao. Tôi xin cam kết sáng kiến kinh nghiệm này là do bản thân tôi rút kinh nghiệm qua thực tế giảng dạy chứ không sao chép dưới mọi hình thức.

Hà Nội, ngày 18 tháng 2 năm 2023

Tác giả sáng kiến

Nguyễn Thị Thúy Nga

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Thông (tổng chủ biên), Sách giáo khoa Địa lí 12, NXB Giáo dục Việt Nam
2. Lê Thông (tổng chủ biên), Sách giáo viên Địa lí 12, NXB Giáo dục Việt Nam, 2007.

3. Phạm Thị Sen (tổng chủ biên), Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức, kỹ năng môn Địa lí lớp 12 NXB Giáo dục Việt Nam, 2010.
4. PGS.TS. Nguyễn Đức Vũ. Trắc nghiệm Địa lí 12, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Lê Thông (chủ biên), Dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng môn Địa lí 12.
6. Một số thông tin sưu tầm trên internet.